TOÀ ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50/2023/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Lộc, ngày 06 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 55/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2023, giữa:

* *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị T - Sinh năm: 1969;

* *Bị đơn*: Ông Phạm Văn T1 - Sinh năm: 1967;

Đều trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh T.

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 55; 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; khoản 3 Điều 12; khoản 3 Điều 13; điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 6 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29/5/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn, bà Bùi Thị T và bị đơn, ông Phạm Văn T1.

2. Công nhận sự thoả T1ận của các đương sự cụ thể như sau:

***** ***Về hôn nhân:*** Bà Bùi Thị T và ông Phạm Văn T1 đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; Vợ chồng thống nhất, thỏa thuận, thuận tình ly hôn để giải thoát cho nhau.

* *Về con chung:* Bà Bùi Thị T và ông Phạm Văn T1 đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; Vợ chồng có 04 con chung, các cháu tên là Phạm Văn T2, sinh năm 1987, Phạm Thị T3, sinh năm 1989, Phạm Văn T4, sinh năm 1992 và Phạm Văn T5,

sinh năm 1997; Hiện nay các cháu đã trưởng thành và tự lập được, bà T, ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác*: Bà Bùi Thị T và ông Phạm Văn T1 đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; Vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

* *Về án phí:* Bà Bùi Thị T và ông Phạm Văn T1 đều có ý kiến chung thống nhất, thỏa thuận; Bà Bùi Thị T chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng bà T đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh T, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004876, ngày 18/5/2023. Trả lại cho bà Bùi Thị T 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

Ông Phạm Văn T1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã H, huyện V, tỉnh T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Sơn